

Biểu mẫu 01

Cam kết chất lượng giáo dục của trường mầm non 2/9 cuối năm học 2020-2021

STT	Nội Dung	Nhà Trẻ	Mẫu Giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	Cuối 19 tháng: Cân nặng : Trai 9,9 kg ; Gái 9,4 kg Chiều cao: Trai 80,9 cm ; Gái 79,9 cm *Cuối 24 tháng: Cân nặng : Trai 9,9 kg ; Gái 9,4 kg Chiều cao: Trai 80,9 cm ; Gái 79,9 cm *Cuối 36 tháng: Cân nặng : Trai 11,6 kg ;Gái 11,1 kg Chiều cao: Trai 89,4 cm ; Gái 88,4cm	*3-4 tuổi: Cân nặng :Trai từ 12,9kg – 16,7kg Gái từ 12,6 kg – 16 kg Chiều cao:Trai từ 94,4cm-102,9 cm Gái từ 93,5cm-101,6cm *4-5 tuổi: Cân nặng : Trai từ 14,4kg – 18,7kg Gái từ 13,8 kg – 17,7 kg Chiều cao: Trai từ 100,7cm-109,9 cm Gái từ 99,3cm-108,4cm *5-6 tuổi: Cân nặng :Trai từ 16 kg – 20,7kg Gái từ 15 kg – 19,5 kg Chiều cao: Trai từ 106,4 - 116,1cm Gái từ 104,8cm-114,6cm
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ	Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được

		sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	-Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp -Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động -Có một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt -Thực hiện được một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe. -Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn -Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi bằng cử chỉ, lời nói. -Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp -Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi -Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc...	- Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp -Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động -Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe -Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt. -Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe -Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh. -Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng -Nhận biết một số nghề phổ biến, một số lễ hội và danh lam thắng cảnh - Nghe hiểu lời nói, sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày -Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở mầm non	* Chăm sóc vệ sinh: - Vệ sinh cá nhân: lau mặt, rửa tay, vệ sinh khi “đi bô”. - Vệ sinh phòng (nhóm): thông thoáng khí, vệ sinh nền nhà, vệ sinh đồ dùng, đồ chơi. - Vệ sinh môi trường: vệ sinh trong và xung quanh trường * Theo dõi thể lực, sức khỏe bằng biểu đồ phát triển. * Quản lý tiêm chủng đúng lịch. * Khám sức khỏe định kỳ 2 lần /	* Chăm sóc vệ sinh: - Vệ sinh cá nhân: lau mặt, rửa tay, vệ sinh khi “đi bô”. - Vệ sinh phòng (nhóm): thông thoáng khí, vệ sinh nền nhà, vệ sinh đồ dùng, đồ chơi. - Vệ sinh môi trường: vệ sinh trong và xung quanh trường * Theo dõi thể lực, sức khỏe bằng biểu đồ phát triển. * Quản lý tiêm chủng đúng lịch. * Khám sức khỏe định kỳ 2 lần /

	năm học * Phòng và xử lý một số tai nạn có thể xảy ra ở trường. * Phòng và xử lý các bệnh dịch. * Chế độ sinh hoạt: thực hiện đúng chế độ sinh hoạt đối với từng lứa tuổi của trẻ theo thời gian biểu. * Chế độ dinh dưỡng: - Đảm bảo chế độ ăn phù hợp với từng lứa tuổi của trẻ - Đảm bảo đủ chất dinh dưỡng đạm, béo, đường, muối khoáng, sinh tố. - Hàng ngày cho trẻ uống đủ nước, nhất là mùa hè. - Đảm bảo ăn uống vệ sinh sạch sẽ. - Chế biến phù hợp và thay đổi thực phẩm để trẻ ăn ngon và hết suất. * Phân công số giáo viên/ số trẻ đúng theo quy định của ngành. * Giáo viên tổ chức các hoạt động cho trẻ: - Hoạt động: thể dục, học, chơi trong lớp, chơi ngoài trời, ăn, ngủ, vệ sinh, hoạt động chiều, hoạt động ngoại khóa, ... - Giáo viên chia trẻ theo nhóm nhỏ để tổ chức hoạt động.	năm học * Phòng và xử lý một số tai nạn có thể xảy ra ở trường. * Phòng và xử lý các bệnh dịch. * Chế độ sinh hoạt: thực hiện đúng chế độ sinh hoạt đối với từng lứa tuổi của trẻ theo thời gian biểu. * Chế độ dinh dưỡng: - Đảm bảo chế độ ăn phù hợp với từng lứa tuổi của trẻ - Đảm bảo đủ chất dinh dưỡng đạm, béo, đường, muối khoáng, sinh tố. - Hàng ngày cho trẻ uống đủ nước, nhất là mùa hè. - Đảm bảo ăn uống vệ sinh sạch sẽ. - Chế biến phù hợp và thay đổi thực phẩm để trẻ ăn ngon và hết suất. * Phân công số giáo viên/ số trẻ đúng theo quy định của ngành. * Giáo viên tổ chức các hoạt động cho trẻ: - Hoạt động: thể dục, học, chơi trong lớp, chơi ngoài trời, ăn, ngủ, vệ sinh, hoạt động chiều, hoạt động ngoại khóa, ... - Giáo viên chia trẻ theo nhóm nhỏ để tổ chức hoạt động.
--	--	--


HIEU TRƯỞNG

Bùi Ngọc Mai Khâm

Biểu mẫu 02

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, cuối năm học 2020-2021

.STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	208	0	16	20	57	58	57
1	Số trẻ em nhóm ghép	0	0					
2	Số trẻ em 1 buổi/ ngày	0	0					
3	Số trẻ em 2 buổi / ngày	208	0	16	20	57	58	57
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0					
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	208	0	16	20	57	58	57
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	208	0	16	20	57	58	57
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	208	0	16	20	57	58	57
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	208	0	16	20	57	58	57
1	Số trẻ cân nặng bình thường	204	0	16	20	55	56	57
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	4	0	0	0	2	2	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	204	0	15	20	56	57	56

4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	4	0	1	0	1	1	1
5	Số trẻ thừa cân béo phì	21	0	0	2	3	4	12
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	36	0	16	20	0	0	0
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	172	0	0	0	57	58	57


HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thanh
Bùi Ngọc Mai Khâm

Biểu mẫu 03

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, cuối năm học 2020-2021

STT	Nội dung		Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng		10	1.8 m ²
II	Loại phòng học			
1	Phòng học kiên cố		10	1.8 m ²
2	Phòng học bán kiên cố			
3	Phòng học tạm			
4	Phòng học chờ			
III	Số điểm trường		02	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)		1054	4.14
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)		457	1.79
VI	Tổng diện tích 1 số loại phòng			
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)		440	1.73
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)			
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)		66	0.25
4	Diện tích hiên chơi (m ²)			
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)			
6	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc phòng đa chức năng (m ²)			
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)		42	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính : bộ)		10	01
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định		10	01
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định			
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời			
IX	Tổng số thiết bị điện tử- tin học đang được sử dụng phục vụ học tập(máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số...)		16	- Máy vi tính: 16 - Máy in: 12 - Máy chiếu : 2
X	Tổng số thiết bị phục vụ khác			
1	Ti vi		3	
2	Catsset		6	
3	Đầu Video/ đầu đĩa		4	
4	Đồ chơi ngoài trời		34	
5	Bàn ghế đúng qui cách		450	Bàn: 150 cái Ghế: 300 cái
		Số lượng (m ²)		
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	Số m ² / trẻ em

			Chung	Nam/ Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh	8	6	6	0.25	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh					

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet (ADSL)	x	
XV	Trang thông tin điện tử (webside) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	


HIỆU TRƯỞNG

Bùi Ngọc Mai Khâm

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, cuối năm học 2020-2021

[illegible]

1	Nhân viên văn thư	1					1		1						
2	Nhân viên kế toán	1					1		1						
3	Thủ quỹ	0													
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên khác	7						7							

HIỆU TRƯỞNG



Bui Ngoc Mai Khâm

Bui Ngoc Mai Khâm

